1. Cú pháp khai báo hàm? Các thành phần quan trọng của 1 hàm?

Cú pháp khai báo hàm trong nhiều ngôn ngữ lập trình thường có dạng:  
kiểu\_dữ\_liệu\_t trả\_về tên\_hàm(danh\_sách\_tham\_số) {  
 // Khối lệnh thực thi  
 return giá\_trị;  
}  
  
Ví dụ trong C++:  
int tong(int a, int b) {  
 return a + b;  
}  
  
Các thành phần quan trọng của một hàm gồm:  
- Kiểu trả về (return type): Xác định kiểu dữ liệu mà hàm trả về.  
- Tên hàm (function name): Dùng để gọi hàm.  
- Tham số (parameters): Các giá trị đầu vào (có thể có hoặc không).  
- Thân hàm (function body): Chứa các câu lệnh thực hiện.  
- Lệnh trả về (return): Trả về kết quả cho lời gọi hàm (có thể có hoặc không).

2. Phân biệt tham số và đối số?

- Tham số (Parameter): Là biến được khai báo trong định nghĩa hàm, dùng để nhận giá trị khi hàm được gọi.  
 Ví dụ: int tong(int a, int b) → a và b là tham số.  
  
- Đối số (Argument): Là giá trị thực tế được truyền vào khi gọi hàm.  
 Ví dụ: tong(3, 5) → 3 và 5 là đối số.  
  
Tóm lại: Tham số là 'biến' trong định nghĩa hàm, còn đối số là 'giá trị' truyền vào khi gọi hàm.

3. Phạm vi của biến là gì? Các loại phạm vi của biến?

Phạm vi của biến (variable scope) là vùng trong chương trình mà biến đó có thể được truy cập và sử dụng.  
  
Các loại phạm vi biến phổ biến:  
1. Phạm vi toàn cục (Global Scope): Biến được khai báo ngoài tất cả các hàm, có thể truy cập từ mọi nơi trong chương trình.  
2. Phạm vi cục bộ (Local Scope): Biến được khai báo trong một hàm, chỉ sử dụng được bên trong hàm đó.  
3. Phạm vi khối lệnh (Block Scope): Biến được khai báo trong một khối lệnh (giữa cặp { }), chỉ có hiệu lực trong khối đó.